

(Đề kiểm tra gồm có 04 trang)

Họ và tên học viên:.....

Số báo danh:.....

Mã đề gốc

Đề kiểm tra gồm 03 phần.

PHẦN I. Học viên trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi học viên chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phạm vi lãnh thổ nước bao gồm

- A. vùng đất, vùng biển và vùng trời.
- B. vùng đất liền, vùng nội thủy và vùng trời.
- C. vùng đất, vùng lãnh hải và vùng trời.
- D. vùng đất liền, vùng hải đảo và vùng trời.

Câu 2. Quá trình xâm thực diễn ra mạnh nhất ở khu vực

- A. đồng bằng.
- B. đồi núi.
- C. ven sông.
- D. trũng thấp.

Câu 3. Kiểu khí hậu đặc trưng của miền Nam Trung Bộ và Nam bộ là

- A. xích đạo gió mùa.
- B. cận nhiệt đới gió mùa.
- C. cận xích đạo gió mùa.
- D. nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 4. Nguyên nhân chủ yếu làm cho các loài sinh vật thủy sinh của nước ta bị suy giảm nghiêm trọng do

- A. khai thác quá mức.
- B. biến đổi khí hậu.
- C. diện tích rừng bị thu hẹp.
- D. ô nhiễm môi trường.

Câu 5. Đặc điểm dân số nước ta hiện nay là

- A. quy mô dân số giảm dần.
- B. cơ cấu dân số ngày càng trẻ hóa.
- C. các dân tộc ít có chênh lệch về kinh tế.
- D. gia tăng dân số tự nhiên giảm.

Câu 6. Chiến lược phát triển dân số nước ta hiện nay là

- A. hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
- B. tiến hành áp dụng chính sách dân số triệt để.
- C. hạn chế đến mức thấp nhất tỉ lệ dân nhập cư.
- D. khuyến khích di dân về khu vực nông thôn.

Câu 7. Nguồn lao động nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Lực lượng lao động chiếm trên 50% số dân.
- B. Chưa tiếp thu thành tựu khoa học công nghệ.
- C. Có nhiều kinh nghiệm sản xuất công nghiệp.
- D. Năng suất lao động ngành công nghiệp rất cao.

Câu 8. Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nước ta đang thay đổi theo xu hướng

- A. giảm tỉ lệ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- B. tăng tỉ lệ ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.
- C. tăng tỉ lệ khu vực Nhà nước, ngoài Nhà nước.
- D. tăng tỉ lệ ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 9. Cơ cấu kinh tế nước ta đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa được biểu hiện ở tỉ trọng

- A. ngành công nghiệp tăng, ngành dịch vụ và nông nghiệp giảm.
- B. ngành nông nghiệp và công nghiệp tăng, ngành dịch vụ giảm.
- C. ngành công nghiệp và dịch vụ tăng, ngành nông nghiệp giảm.
- D. ngành nông nghiệp tăng, ngành công nghiệp và dịch vụ giảm.

Câu 10. Các cây công nghiệp lâu năm bao gồm

- A. cà phê, mía.
- B. lạc, hồ tiêu.
- C. chè, đậu tương.
- D. cao su, điều.

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây đúng với hoạt động lâm nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ vào trồng rừng.
- B. Tăng cường công nghệ khai thác gỗ trong rừng phòng hộ.
- C. Khuyến khích chuyển đổi rừng sang trồng cây công nghiệp.
- D. Hoạt động bảo vệ rừng nước ta hiện nay chưa được quan tâm.

Câu 12. Ngành thủy sản nước ta chuyển dịch theo hướng

- A. khuyến khích ngành khai thác thủy sản ven bờ.
- B. giảm tỉ trọng giá trị và sản lượng nuôi trồng.
- C. tăng tỉ trọng giá trị và sản lượng khai thác.
- D. phát triển khai thác và nuôi trồng hiệu quả, bền vững.

Câu 13. Hiện nay trong nội bộ ngành nông nghiệp của nước ta có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng nào sau đây?

- A. Tỉ trọng ngành trồng trọt tăng, ngành chăn nuôi giảm.
- B. Tỉ trọng ngành chăn nuôi giảm, dịch vụ nông nghiệp tăng.
- C. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.
- D. Ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng cao nhất và đang giảm mạnh.

Câu 14. Cho bảng số liệu:

Năng suất cây lương thực có hạt ở nước ta, giai đoạn 2010 – 2024

(Đơn vị: tạ/ha)

Năm	2010	2015	2021	2024
Năng suất	51,9	55,9	59,6	67,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024, Nxb Thống kê)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về năng suất cây lương thực có hạt ở nước ta giai đoạn 2010 - 2024?

- A. Năng suất tăng nhưng không liên tục qua các năm.
- B. Năm 2024 so với năm 2015 năng suất tăng gấp 1,2 lần.
- C. Năm 2021 so với năm 2010 năng suất tăng hơn 3,7 tạ/ha.
- D. Năng suất giảm nhưng không liên tục qua các năm.

Câu 15. Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng ở nước ta, giai đoạn 1943 – 2024

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	1943	1983	2015	2024
Tổng diện tích rừng	14,3	7,2	14,1	14,8
- Rừng tự nhiên	14,3	6,8	10,2	10,1
- Rừng trồng	0	0,4	3,9	4,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024, Nxb Thống kê)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích rừng ở nước ta, giai đoạn 1943 – 2024, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Cột.
- C. Tròn.
- D. Miền.

- Câu 16.** Điều kiện thuận lợi để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là
- A. dọc bờ biển có nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.
 - B. có đường bờ biển dài với nguồn lợi hải sản phong phú.
 - C. ven bờ có nhiều đảo và vịnh, tạo điều kiện hình thành các bãi cá đẻ.
 - D. có nhiều sông, suối, kênh, rạch, ao, hồ, các vùng trũng ở đồng bằng.

Câu 17. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ở nước ta giai đoạn 2010 – 2024

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2010	2015	2021	2024
Khai thác	2,5	3,2	3,9	3,9
Nuôi trồng	2,7	3,5	4,9	5,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024, Nxb Thống kê)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi ngành thủy sản ở nước ta giai đoạn 2010 -2024?

- A. Sản lượng thủy sản khai thác luôn nhỏ hơn nuôi trồng.
 - B. Sản lượng thủy sản khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.
 - C. Năm 2015 sản lượng thủy sản khai thác chiếm hơn 50%.
 - D. Năm 2024 sản lượng thủy sản khai thác nhiều hơn nuôi trồng 1,3 lần.
- Câu 18.** Mục tiêu quan trọng nhất về quản lí và bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta hiện nay là
- A. cho phép chuyển đổi rừng sang trồng cây công nghiệp.
 - B. tăng cường khai thác rừng để phát triển kinh tế.
 - C. phát triển bền vững về diện tích và chất lượng rừng.
 - D. người dân không được tham gia quản lí, bảo vệ rừng.

PHẦN II. Học viên trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học viên chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Dân số nước ta đang có xu hướng già hóa, tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên có xu hướng tăng. Do sự phát triển kinh tế, điều kiện sống và các dịch vụ y tế được cải thiện nên tuổi thọ trung bình của người dân tăng cùng với việc giảm tỉ lệ sinh đã tác động đến sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta.

- a) Tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam có xu hướng tăng.
- b) Nhóm người từ 65 tuổi trở lên có xu hướng giảm.
- c) Điều kiện sống của người dân nước ta hiện nay đồng đều và ở mức rất cao.
- d) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta hiện nay ở mức thấp và có xu hướng giảm.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Trong những năm qua, tỉ lệ dân thành thị của nước ta tăng liên tục cùng với quá trình phát triển kinh tế. Tuy nhiên, tỉ lệ dân thành thị vẫn còn thấp so với khu vực và các nước trên thế giới. Quy mô đô thị của nước ta ngày càng lớn, không gian sinh hoạt và sản xuất ở đô thị ngày càng mở rộng.

- a) Tỉ lệ dân thành thị nước ta ngày càng tăng nhưng vẫn còn thấp so với thế giới.
- b) Quy mô đô thị nước ta ngày càng thu hẹp về không gian sinh hoạt.
- c) Lối sống đô thị được mở rộng và lan tỏa đến nhiều khu vực nông thôn.
- d) Đô thị hóa không gắn với công nghiệp hóa tạo nên sức ép về cơ sở hạ tầng, việc làm, và vấn đề môi trường.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội nước ta, được xác định là xu thế tất yếu để phát triển đất nước. Quá trình này giúp nước ta đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

b) Hiện nay, ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong cơ cấu GDP của nước ta.

c) Nước ta có nhiều chính sách thúc đẩy hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

d) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta chỉ quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Số lượng một số vật nuôi ở nước ta, giai đoạn 2010 – 2024

(Đơn vị: triệu con)

Năm	2010	2015	2021	2024
Trâu	2,9	2,6	2,3	2,0
Bò	5,9	5,7	6,4	9,0
Lợn	27,3	28,9	23,1	26,0
Gia cầm	301,9	369,5	524,1	584,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024, Nxb Thống kê)

a) Đàn trâu có số lượng ít nhất và giảm liên tục trong giai đoạn 2010 - 2024.

b) Đàn bò tăng liên tục từ năm 2010 đến năm 2024.

c) Đàn lợn năm 2024 so với năm 2021 tăng hơn 5,9 triệu con .

d) Đàn gia cầm năm 2024 so với năm 2010 tăng gấp hơn 1,9 lần.

PHẦN III. Học viên trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2024, thành phố Hà Nội có quy mô dân số 8717,6 nghìn người diện tích tự nhiên là 3359,8 km². Hãy cho biết mật độ dân số của thành phố Hà Nội là bao nhiêu người/km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị). **2595**

Câu 2. Dân số Việt Nam năm 2010 là 86,9 triệu người và năm 2024 là 101,3 triệu người. Hãy cho biết quy mô dân số nước ta năm 2024 gấp bao nhiêu lần so năm 2010 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân). **1,2**

Câu 3. Dân số Việt Nam năm 2024 là 101,3 triệu người, lực lượng lao động 52,9 triệu người. Hãy cho biết lực lượng lao động nước ta chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng số dân (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị). **52**

Câu 4. Cơ cấu lao động làm việc trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản nước ta năm 2005 là 55,1% và năm 2024 là 26,4%. Hãy cho biết cơ cấu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản từ năm 2024 giảm bao nhiêu phần trăm so với năm 2005. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân). **28,7**

Câu 5. Năm 2024 diện tích rừng nước ta 14,8 triệu ha, diện tích rừng tự nhiên 10,1 triệu ha. Hãy cho biết tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng diện tích rừng nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị). **68**

Câu 6. Năm 2024, diện tích gieo trồng và sản lượng cây lương thực có hạt ở nước ta lần lượt là 7,1 triệu ha, 47,9 triệu tấn. Hãy cho biết năng suất lương thực có hạt của nước ta là bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân). **67,5**

----- HẾT -----

Ghi chú: Học viên không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm.

